

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40 /2018/HNGĐ-ST
Ngày 24/4/2018
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Linh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Ngọc và ông Nguyễn Văn Hoàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Thái Thị Nhung-Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 08/2018/TLST-HNGĐ ngày 03/01/2018 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/3/2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2018/QĐST – HNGĐ ngày 26/3/2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2018/QĐST –HNGĐ ngày 12/4/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1996; thường trú: Ấp Q xã P, huyện P, tỉnh An Giang, có đơn xin giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Trần Hoài V, sinh năm 1991; thường trú: Thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi; tạm trú: Khu phố Đ4, phường B, thị xã K, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18/12/2017, quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị T và anh Trần Hoài V tìm hiểu yêu thương nhau khoảng 03 năm thì tiến đến hôn nhân, cả hai tổ chức đám cưới và được gia đình hai bên chấp nhận, chị T và anh V đăng ký kết hôn tại UBND xã Mỹ Phú, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang ngày 07/9/2015 (Giấy chứng nhận kết hôn số 162/2015, quyền số 01/2015). Sau khi kết hôn, vợ chồng đến thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương làm công nhân sau đó chị T về An Giang sinh con.

Tháng 11/2017 chị T lên thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương làm công nhân tại Công ty TNHH Scancom Việt Nam, thu nhập bình quân 01 tháng 6.000.000 đồng, anh V đi làm thu nhập 01 tháng bao nhiêu chị không biết, cũng từ thời gian này vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh V có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác cùng công ty, thể hiện việc anh thường xuyên nhắn tin thể hiện tình cảm yêu thương với người phụ nữ này, chị đã cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh V không thay đổi mà còn ghen tuông vô cớ với chị, đe dọa đánh chị, cuối năm 2017 vợ chồng sống ly thân không quan tâm chăm sóc nhau. Từ khi vợ chồng mâu thuẫn, ly thân gia đình hai bên đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng không thành. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với anh Trần Hoài V.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Trần Thiên Đ, sinh ngày 06/5/2016, hiện cháu Đ do chị nuôi dưỡng. Sau ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Đ và không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 17/01/2018, quá trình tố tụng bị đơn anh Trần Hoài V trình bày:

- *Về hôn nhân:* Anh V và chị Nguyễn Thị T tự tìm hiểu thời gian 03 năm thì tiến đến hôn nhân, cả hai tổ chức đám cưới và được hai bên gia đình chấp nhận, vợ chồng làm đăng ký kết hôn tại UBND xã Mỹ Phú, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang ngày 07/9/2015 (Giấy chứng nhận kết hôn số 162/2015, quyển số 01/2015). Sau khi kết hôn, vợ chồng đến thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương thuê ở trọ làm công nhân, sau đó chị T về nhà cha mẹ ruột sinh con, tháng 11/2017 chị T lên thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương đi làm, thời gian này vợ chồng chung sống hạnh phúc, thỉnh thoảng có mâu thuẫn về tiền bạc, chi tiêu trong gia đình, không đến mức phải ly hôn. Anh còn yêu thương vợ, con nên không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T, trong trường hợp tòa án giải quyết cho ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi con chung, anh không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Trần Thiên Đ, sinh ngày 06/5/2016, hiện chị T đang nuôi dưỡng và ở cùng mẹ chị T. Trong trường hợp Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị T và anh V do Tòa án tiến hành ngày 14/3/2018, chính quyền địa phương cung cấp thông tin như sau: Chị T và anh V trước khi nộp đơn khởi kiện xin ly hôn tại Tòa án chị T không yêu cầu chính quyền địa phương tổ chức hòa giải cơ sở. Quá trình chung

sống thực tế mâu thuẫn giữa hai vợ chồng, vấn đề chăm sóc, nuôi dạy con chung như thế nào chính quyền địa phương không nắm rõ vì không thấy đại diện khu phố, địa phương phản ánh hay cung cấp thông tin gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã được thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng Dân sự, tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Sự chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự và các quy định pháp luật liên quan.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án nhận thấy yêu cầu ly hôn và được nuôi con của nguyên đơn là có cơ sở theo quy định pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa, Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An nhận định:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết*: Chị Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu giải quyết việc hôn nhân, con chung giữa chị với anh Trần Hoài V địa chỉ tạm trú tại khu phố Đ4, phường B, thị xã K, tỉnh Bình Dương. Vì vậy, đây là vụ án tranh chấp ly hôn, nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn anh Trần Hoài V được tòa triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 Tòa án xét xử vắng mặt chị T, anh V theo luật định.

[3] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị T và anh Trần Hoài V có chứng nhận kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 162/2015, quyền số 01/2015 vào ngày 07/9/2015 tại UBND xã Mỹ Phú, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang. Do vậy, hôn nhân giữa chị T, anh V hợp pháp được pháp luật công nhận.

[4] *Về yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị T*: Mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc; để đạt được mục đích đó vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ và tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Trong cuộc sống vợ chồng anh V không quan tâm, không chăm lo cho gia đình thể hiện ở việc không phụ giúp chị T trong vấn đề chăm sóc con mà có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Chị T và anh V ly thân từ cuối năm 2017 đến

nay, không còn quan tâm chăm sóc nhau và không còn cùng nhau chăm sóc con chung. Hội đồng xét xử nhận thấy mặc dù anh Trần Hoài V không đồng ý ly hôn nhưng bản thân anh V không thay đổi để vợ chồng hàn gắn tình cảm điều này chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh V đã trầm trọng, không thể khắc phục được. Vì vậy, mục đích của cuộc hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị T là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về con chung: Chị T, anh V có 01 con chung tên Trần Thiên Đ, sinh ngày 06/5/2016. Cả hai đều có nguyện vọng được nuôi con chung sau khi ly hôn. Tuy nhiên, việc giao con cho ai trực tiếp nuôi dưỡng cần phải xem xét về mọi mặt, quyền lợi của con chưa thành niên. Xét thấy cháu Trần Thiên Đ còn nhỏ (dưới 03 tuổi) cần sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ nên việc giao con chung cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

[7] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[8] Đối với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An đối với yêu cầu khởi kiện của chị T là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228, 235, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 15, 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T đối với anh Trần Hoài V.

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Trần Hoài V (theo giấy chứng nhận kết hôn số 162/2015, quyển số 01/2015 do Ủy ban nhân dân xã Mỹ Phú, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang cấp ngày 07/9/2015).

1.2 Tiếp tục giao con chung tên Trần Thiên Đ, sinh ngày 06 tháng 5 năm 2016 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn chị T và anh V đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Chị T phải tạo điều kiện cho anh V trong việc thăm nom, chăm sóc con. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc hai

bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

2.2. Anh Trần Hoài V tạm thời không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Nguyễn Thị T.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Chị Nguyễn Thị T và anh Trần Hoài V không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0018712 ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Đương sự (2);
- VKSND thị xã Dĩ An (1);
- CC THADS thị xã Dĩ An (1);
- TAND tỉnh Bình Dương (1);
- UBND xã Mỹ Phú, h Châu Phú, t An Giang (1);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (2).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Linh